TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 05/2025/QĐST - HNGĐ	*T, ngày 13 tháng 02 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 106/2024/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Chị Bùi Khánh L, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số nhà 615, Nguyễn Văn L, phường A, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn: Anh Phạm Chung Đ, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Cháu Phạm Quang V, sinh ngày 19/9/2022.

Địa chỉ: Số nhà 615, Nguyễn Văn L, phường A, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện hợp pháp cho cháu V: Anh Phạm Chung Đ và chị Bùi Khánh L là bố, mẹ đẻ của cháu.

Căn cứ vào Điều 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 51, 55, 57, 81, 82, 83, 84 và Điều 107, 108, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 02 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 02 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Bùi Khánh L và anh Phạm Chung Đ.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Bùi Khánh L và anh Phạm Chung Đ thuận tình ly hôn;

- *Về con chung:* Chị Bùi Khánh L và anh Phạm Chung Đ đều xác định vợ chồng có một con chung là cháu Phạm Quang V, sinh ngày 19/9/2022. Hiện cháu V đang ở với chị L. Anh chị thỏa thuận giao cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng cháu V cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung với chị L số tiền 1.300.000đồng/tháng thời gian tính từ tháng 3/2025 cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Anh Đ được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, chị L có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ đối với khoản tiền anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Nếu anh Đ không thi hành thì còn phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- *Về tài sản chung; Công nợ; Công sức; Ruộng canh tác:* Anh, chị đều khẳng định không có nên không đề nghị Toà án giải quyết;

- *Về án phí:* Nguyên đơn chị Bùi Khánh L tự nguyện chịu toàn bộ 150.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn và 150.000đồng án phí cấp dưỡng cấp dưỡng nuôi con chung. Tổng số tiền án phí chị L phải nộp là 300.000đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng tại biên lai ký hiệu BLTU/24 số 0001085 ngày 19/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Hưng Yên. Chị L đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Phòng KTNV Tòa án tỉnh;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND H (Đ cũ) *Giấy CNKH số 01/2022 ngày 04/01/2022;*
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Minh N